

Số: 336/BC-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 12 năm 2018

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 1225
	Ngày: 10/12
	Chuyên:

## BÁO CÁO

### Công tác cải cách hành chính năm 2018

Thực hiện chương trình kế hoạch công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2018, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo tình hình công tác CCHC năm 2018 như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VỀ CCHC

##### 1. Về Kế hoạch cải cách hành chính

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về phê duyệt Kế hoạch CCHC năm 2018, trong đó phân định trách nhiệm và thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo Kế hoạch, có 42 nội dung, nhiệm vụ công tác CCHC (tăng 13,5% so với năm 2017), tương ứng với 49 kết quả công việc. Đến nay, tỉnh Thừa Thiên Huế đã triển khai và hoàn thành. Nhìn chung, các nội dung, nhiệm vụ CCHC năm 2018 được triển khai khá kịp thời, theo đúng tiến độ đề ra, một số nội dung hoàn thành sớm so với Kế hoạch.

##### 2. Tình hình, kết quả ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành công tác CCHC

Để chỉ đạo, điều hành công tác CCHC trong năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định, Chỉ thị, chỉ đạo điều hành công tác CCHC: Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 21/12/2017 về triển khai Chương trình trọng điểm 2018 về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước; Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 18/6/2018 về nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2018; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 18/6/2018 về nâng cao vị thứ xếp hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công; Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 25/8/2018 về tăng cường quản lý công tác tổ chức bộ máy và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh.

Tập trung chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm, UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo tiếp tục thực hiện các Chỉ thị: số 26/CT-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh về đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng CNTT và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh; số 32/CT-UBND ngày 22/12/2016 về việc đẩy mạnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh, nhằm tiếp tục thực hiện việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức trên toàn tỉnh (gọi tắt là Chỉ thị 32/CT-UBND); số 17/CT-UBND ngày 25/8/2018 về tăng cường quản lý công tác tổ chức bộ máy và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh

(gọi tắt là Chỉ thị 17/CT-UBND); tăng cường công tác theo dõi việc thực hiện chế độ báo cáo ở các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, chỉ đạo thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm theo quy định của Bộ Nội vụ.

### **3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính**

Ngày 23/12/2017, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 259/KH-UBND về kiểm tra công tác CCHC năm 2018 và Quyết định số 1060/QĐ-UBND, ngày 18/5/2018 về Kế hoạch kiểm tra rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) áp dụng trên địa bàn tỉnh, lồng ghép kiểm tra thực hiện công tác CCHC. Nội dung tập trung kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và tổ chức quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác CCHC; công tác kiểm soát, rà soát TTHC; việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tại các đơn vị, địa phương.

Triển khai các kế hoạch, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ kiểm tra về công tác CCHC tại 7/21 đơn vị cấp sở, 04/9 UBND cấp huyện, đoàn kiểm tra rà soát đánh giá TTHC tại 03/9 UBND cấp huyện và 18/21 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, đồng thời phối hợp kiểm tra và 70/152 xã, phường, thị trấn.

Tiếp tục nâng cao công tác tự kiểm tra CCHC tại sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy hành chính nhà nước. Qua công tác kiểm tra đã góp phần chấn chỉnh công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị. Kết quả kiểm tra được gắn với công tác thi đua khen thưởng và có tổ chức phúc tra, kiểm tra tình hình khắc phục sau khi có kết luận thanh tra.

Trong Quý I và Quý II năm 2018, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ, Văn phòng UBND trực tiếp phúc tra lại những nội dung đã kiểm tra trong năm 2017 về công tác CCHC, kiểm soát TTHC, việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công tác kiểm tra CCHC còn được kết hợp với thanh tra công tác nội vụ, kiểm soát TTHC và kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị 32/CT-UBND và Chỉ thị 17/CT-UBND nhằm chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Năm 2018, Sở Nội vụ đã tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ trong đó có nội dung về kỷ cương, kỷ luật hành chính tại 14 cơ quan, đơn vị, kiểm tra công tác công vụ tại 08 đơn vị.

### **4. Về công tác tuyên truyền CCHC**

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền CCHC theo nội dung tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh về Kế hoạch tuyên truyền CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch 261/KH-UBND ngày 25/12/2017 về tuyên truyền CCHC năm 2018; đặc biệt là Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 17/3/2018 về tổ chức Hội thi tìm hiểu công tác CCHC trong cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2018.

Tập trung tăng cường tuyên truyền CCHC trong nội bộ từng cơ quan, đơn

vị, địa phương bằng nhiều hình thức phù hợp; thực hiện công khai thủ tục hành chính (TTHC) tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức tiếp nhận ý kiến đóng góp của tổ chức, công dân và doanh nghiệp về TTHC; đưa thông tin về CCHC một cách thích hợp trong các buổi giao ban, họp định kỳ của cơ quan, đơn vị; lồng ghép trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại cơ quan, đơn vị; niêm yết công khai, đầy đủ và thường xuyên cập nhật TTHC mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của địa phương, đơn vị.

Thực hiện Kế hoạch, tại các cuộc giao ban báo chí được tổ chức định kỳ, hàng quý, UBND tỉnh luôn chỉ đạo các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, các phóng sự phản ánh tình hình thực hiện CCHC của tỉnh nhà. Các cơ quan báo chí đã thực hiện tốt việc phát các bản tin điểm báo hàng tuần, trong đó tổng hợp các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh. Các chuyên mục tuyên truyền CCHC như: Với khán giả truyền hình (52 tin, bài), Đối thoại doanh nghiệp (04 tin, bài), Thuế và chính sách thuế (12 tin, bài), Đô thị (26 tin, bài), Lao động xã hội (12 tin, bài), Vấn đề quan tâm (26 tin, bài)... cùng hàng trăm tin, bài về công tác CCHC trong chương trình thời sự, phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử.

Đã xây dựng chuyên trang tuyên truyền CCHC trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Thông tin và truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tăng cường đưa thông tin về CCHC trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Cổng, các Trang thông tin điện tử tập trung thực hiện các chuyên đề, chuyên mục, nội dung tin, bài TTHC về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kịp thời thông tin công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp.

Năm 2018, tỉnh đã tổ chức Hội thi tìm hiểu công tác CCHC với sự tham gia của 21/21 cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, 9/9 UBND cấp huyện, 09 UBND cấp xã đại diện cấp huyện và 05 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn. Qua cuộc thi đã nâng cao trách nhiệm của công chức, viên chức và người lao động trong việc thực hiện công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 tại cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời, góp phần giúp cho từng công chức, viên chức và người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ, chuyên môn, nghiệp vụ được giao; xây dựng cơ quan, đơn vị ngày càng vững mạnh.

Tiếp tục duy trì đối thoại trực tuyến giữa lãnh đạo tỉnh với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tại chuyên mục “Trao đổi và tháo gỡ” trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Đã tổ chức 04 diễn đàn: Festival và du lịch Huế (ngày 29/03/2018), Phát triển nông nghiệp công nghệ cao: cơ hội và thách thức (ngày 14/06/2018), Dịch vụ Đô thị thông minh (ngày 21/09/2018), Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động (ngày 29/11/2018).

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

Công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL ở cấp tỉnh cơ bản thực hiện nghiêm túc, đúng trình tự, thủ tục ban hành theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Việc đổi mới và hoàn thiện các quy trình xây dựng, góp ý, thẩm định dự thảo văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh ngày càng được chú trọng, nâng cao về chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và tính khả thi, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và hội nhập kinh tế của tỉnh.

Sở Tư pháp đã tích cực phối hợp với các sở, ngành thẩm định trình HĐND, UBND tỉnh ban hành 96 văn bản QPPL; tham gia, tổng hợp góp ý kiến vào 84 dự thảo văn bản QPPL, 21 dự thảo văn bản Luật, Nghị định, Thông tư do cơ quan Trung ương, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trung cầu và Quyết định, Chỉ thị, Đề án, Kế hoạch của UBND tỉnh; so với cùng kỳ 2017, số lượng VBQPPL được ban hành giảm 33,6% phù hợp với tinh thần, quy định của Luật ban hành VBQPPL năm 2015 và chủ trương tập trung cao vào công tác tổ chức thi hành pháp luật.

Đến ngày 30/11/2018, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành 103 văn bản QPPL gồm: 65 Quyết định, 27 Chỉ thị của UBND tỉnh và 11 Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Năm 2018, tiến hành rà soát 559 văn bản QPPL, phát hiện 79 văn bản hết hiệu lực (gồm: 23 Nghị quyết, 53 Quyết định và 03 Chỉ thị). Đối với công tác kiểm tra VBQPPL, Sở Tư pháp tự kiểm tra 57 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành, phát hiện 01 văn bản sai về thẩm quyền ban hành, nội dung; đã kiến nghị UBND tỉnh xử lý và kiểm tra 25 văn bản QPPL do UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi đến, qua kiểm tra phát hiện 03 văn bản sai về thẩm quyền ban hành, 03 nội dung văn bản này đã được các huyện, thị xã, thành phố Huế xử lý dứt điểm. Thành lập 01 đoàn kiểm tra văn bản QPPL do HĐND, UBND huyện Phong Điền ban hành, qua đó tự kiểm tra 20 văn bản QPPL và văn bản có chứa QPPL, phát hiện có 02 văn bản sai về thẩm quyền ban hành, 01 văn bản nội dung chưa phù hợp, 07 văn bản sai về căn cứ pháp lý, hiệu lực, thể thức. Đoàn kiểm tra đã có kết luận kiến nghị HĐND, UBND huyện Phong Điền thực hiện tự kiểm tra, xử lý kịp thời theo quy định.

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính và thẩm quyền, cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Công tác cải cách TTHC (TTHC) trên địa bàn đã từng bước đi vào nề nếp, cơ bản đáp ứng và giải quyết tốt các giao dịch hành chính đối với tổ chức, cá nhân. Các cơ quan quản lý nhà nước đã thường xuyên rà soát đơn giản hóa TTHC, hệ thống hóa bộ TTHC, rút ngắn quy trình, thời gian giải quyết hồ sơ

hành chính. Các cơ quan chuyên môn thường xuyên tham mưu UBND tỉnh kịp thời ban hành các quyết định công bố TTHC chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý chuyên ngành ở các cấp, các ngành. Công tác cải cách TTHC gắn với cơ chế một cửa, một cửa liên thông được rà soát, kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng TTHC trong tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý. Việc công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và các phương tiện thông tin đại chúng luôn được chú trọng.

*a) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định*

Để tiếp tục tăng cường các biện pháp thực hiện công tác kiểm soát TTHC trong năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số: 2937/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2018, 3025/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2018; 10/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 về việc ban hành Quy chế hoạt động của hệ thống cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 về Quy định tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, số 55/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 về Quy chế phối hợp trong việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 30/12/2017 của UBND tỉnh về kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2018.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện đúng quy định về việc đánh giá tác động của quy định về TTHC trong quy trình soạn thảo văn bản QPPL; tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo, nhằm giảm thiểu thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công tại địa phương.

Năm 2018, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành 98 Quyết định công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã, đã nhập kịp thời 1.945 TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy định TTHC.

*b) Về rà soát, đơn giản hóa TTHC*

Theo Kế hoạch rà soát TTHC của tỉnh, có 13 sở, ngành cấp tỉnh và 05 đơn vị cấp huyện được UBND tỉnh giao chủ trì rà soát 170 TTHC thuộc 13 lĩnh vực. Căn cứ vào Kế hoạch này, UBND tỉnh giao Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng rà soát; thường xuyên đôn đốc các đơn vị thực hiện theo Kế hoạch và tổ chức rà soát độc lập các TTHC nói trên. Qua rà soát, có 84 TTHC và 04 nhóm TTHC lĩnh vực Khoa học công nghệ được kiến nghị Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương bổ sung, sửa đổi. Nhìn chung, 100% TTHC đề ra trong Kế hoạch đều được các cơ quan, đơn vị triển khai rà soát, đánh giá.

Triển khai Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 – 2020 (theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 8/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ), Công an tỉnh đã tham

mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 17/11/2017 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 13/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phối hợp triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh.

Đến 25/11/2018, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành thu thập được 1.284.410 phiếu, đạt 97% so với nhân khẩu thường trú toàn tỉnh, số phiếu đảm bảo yêu cầu là 1.188.758 phiếu. Thu thập thông tin dân cư trong lực lượng QĐND (941 phiếu) và CAND (463 phiếu). Đến nay đã tiến hành quét 1.054.171 bản ảnh phiếu thu thập thông tin dân cư và hoàn thành nhập liệu thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đồng thời nhập dữ liệu thông tin của 261.370 nhân khẩu đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Huế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Số phiếu đã kiểm tra đối sánh với dữ liệu cư trú do Công an cấp xã quản lý là 1.210.046 phiếu; đã kiểm tra đối sánh với dữ liệu cư trú do Công an cấp huyện quản lý là 662.928 phiếu, đạt 53,29% so với tổng số phiếu thu thập được. Qua kiểm tra, đối sánh dữ liệu đã chấn chỉnh những sơ hở, thiếu sót trong công tác đăng ký, quản lý cư trú của cơ quan Công an, cũng như kịp thời hướng dẫn, giải quyết 46.527 trường hợp sai lệch thông tin về hộ tịch, hộ khẩu. Đến nay, đã cấp 19.198 mã định danh cá nhân cho trẻ trên địa bàn toàn tỉnh.

#### *c) Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC*

Tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2018, tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh: đã tiếp nhận 65.655 hồ sơ, trả kết quả, xử lý đúng hạn 62.952 hồ sơ (đạt tỷ lệ 95,9 %), trễ hạn 2.703 hồ sơ (tỷ lệ 4,1%). Tại các Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: đã tiếp nhận 95.544 hồ sơ, trả kết quả, xử lý đúng hạn 86.702 hồ sơ (đạt tỷ lệ 90,7 %), trễ hạn 8.842 hồ sơ (tỷ lệ 9,3%).

Triển khai Đề án xây dựng Bộ phận TN&TKQ hiện đại cấp xã, Sở Nội vụ đã tổ chức hội nghị triển khai cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt và công chức làm việc tại Bộ phận TN&TKQ. Đến nay, toàn tỉnh đã có 82/152 UBND cấp xã xây dựng Bộ phận TN&TKQ hiện đại.

Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 32.536 hồ sơ/tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến mức độ 3 là 69.780 hồ sơ. Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 4 là 12.083 hồ sơ/tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến mức độ 3 là 48.550 hồ sơ (số liệu tính đến ngày 30/11/2018).

Đến nay, toàn tỉnh có 2.132/2.132 TTHC (tỷ lệ 100%) được đưa vào thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, trong đó, cấp Sở có 1.694 TTHC một cửa (336 TTHC liên thông); UBND cấp huyện có 321 TTHC một cửa (35 TTHC liên thông); UBND cấp xã có 135 TTHC một cửa (17 TTHC liên thông).

Đưa 1.526 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, trong đó: có 855 TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (cấp tỉnh: 723 TTHC, cấp huyện: 130 TTHC, cấp xã: 02 TTHC); có 671 TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (cấp tỉnh: 512 TTHC, cấp huyện: 158 TTHC, cấp xã: 11 TTHC). Đồng thời, công bố 1.135 TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua

dịch vụ bưu chính công ích, trong đó cấp tỉnh: 941 TTHC, cấp huyện 155 TTHC, cấp xã: 39 TTHC.

Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh tiếp nhận 04 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính. Đến nay, tất cả các phản ánh, kiến nghị (100%) đều được giao xử lý và kiến nghị xử lý kịp thời, có 03 phản ánh, kiến nghị được xử lý dứt điểm (đạt 75%) và 01 phản ánh, kiến nghị đang xử lý.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước**

*a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của UBND và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện*

Thực hiện các Nghị quyết số: 18-ND/TW và 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế đã ban hành các Kế hoạch số: 60-KH/TU ngày 13/3/2018, 69-KH/TU ngày 24/4/2018, UBND tỉnh cụ thể hóa thành Chương trình hành động số 99/CTr-UBND và số 100/CTr-UBND ngày 28/5/2018 để thực hiện các Kế hoạch trên.

Đã có 05 đơn vị cấp Sở thực hiện phương án tổ chức lại các phòng chuyên môn trực thuộc gồm: Sở Nội vụ (giảm 01 phòng và 02 phòng của đơn vị trực thuộc), Sở Tài chính (giảm 02 phòng), Sở Tài nguyên và Môi trường (giảm 03 phòng), Sở Công Thương (giảm 03 phòng), BQL KKT, công nghiệp tỉnh (giảm 02 phòng).

Thực hiện Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công thương; UBND tỉnh đã phối hợp hoàn thành việc chuyển giao Chi cục Quản lý thị trường tỉnh về Bộ Công thương quản lý.

Đối với các tổ chức phối hợp liên ngành (Ban Quản lý, Ban Chỉ đạo, Hội đồng...), đến nay, toàn tỉnh đã giải thể 04 tổ chức, sáp nhập 24 tổ chức thành 11 tổ chức và có 02 đơn vị hết thời gian sau khi hoàn thành nhiệm vụ (giảm 19 tổ chức), còn lại 130 tổ chức phối hợp liên ngành. Có 116 Hội hoạt động trên phạm vi toàn tỉnh, 108 Hội hoạt động trên phạm vi cấp huyện, 675 Hội hoạt động trên phạm vi cấp xã, 08 Quỹ xã hội, từ thiện.

Qua công tác sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện, số lượng đơn vị sự nghiệp là 719 đơn vị giảm 61 đơn vị so với cuối năm 2015 (tỷ lệ 7,69%), trong đó: sự nghiệp thuộc UBND tỉnh 14 đơn vị (tăng 02 đơn vị); sự nghiệp thuộc Sở 115 (giảm 37 đơn vị); sự nghiệp thuộc sự nghiệp 5; sự nghiệp thuộc Chi cục 03 (giảm 09 đơn vị); sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện 55 (giảm 12 đơn vị); sự nghiệp thuộc phòng cấp huyện 527 (giảm 05 đơn vị).

Sau khi sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện đã được tổ chức theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện của địa phương, giảm các Ban chỉ đạo, Hội đồng tư vấn liên ngành.

Sau 03 đợt sắp xếp, sáp nhập và chia tách các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, kết quả đã giảm 211 thôn, tổ dân phố (gồm 53 thôn, 158 tổ dân phố). Đến nay,

toàn tỉnh có 1.277 thôn, tổ dân phố (gồm 724 thôn và 553 tổ dân phố). Các địa phương đang tiếp tục hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ sáp nhập các thôn, tổ dân phố để trình UBND tỉnh thẩm định, trình HĐND tỉnh trong kỳ họp cuối năm 2018, để giảm thêm 36 thôn, tổ dân phố. Trong số 152 đơn vị hành chính cấp xã (105 xã, 39 phường, 08 thị trấn) trên địa bàn tỉnh có 97 đơn vị hành chính loại I, 43 loại II, 12 loại III.

Nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước đã được phân cấp khá mạnh, đúng Nghị quyết của Chính phủ. Kết quả phân cấp cho thấy công việc giải quyết nhanh, sát thực tế hơn; nhiều nguồn lực được huy động, sử dụng hiệu quả hơn; từng bước tạo sự công bằng và phát triển cân đối giữa các vùng, miền, địa phương.

Năm 2018, UBND tỉnh duy trì công bố việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện (thực hiện trước ngày 15/12). Việc thực hiện công tác CCHC là căn cứ để đánh giá, xếp loại thi đua và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### *b) Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

Thực hiện Nghị định 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, tỉnh đã chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Trung tâm Hành chính công cấp huyện, tỉnh phù hợp với Nghị định. Triển khai thực hiện đầy đủ các quy định chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các Trung tâm và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) cấp xã.

Năm 2018, tỉnh đã ban hành Đề án xây dựng mô hình cơ quan hành chính kiểu mẫu hướng đến tạo sự đồng bộ liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Đề án cải thiện môi quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với công dân, tổ chức; Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp, quy định đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, và bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức... Việc đánh giá các nội dung trên được điểm số hóa, theo tiêu chí, sử dụng phương pháp đánh giá đa chiều, lồng ghép các tiêu chí đang thực hiện, đánh giá công khai, minh bạch, công bằng, thường xuyên, liên tục. Thông qua đánh giá, giúp các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém. Kết quả xếp loại, đánh giá là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng trong các Cụm, Khối thi đua và đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### *c) Công tác thanh tra, kiểm tra hành chính*

Tính đến 15/11/2018, các đơn vị thanh tra đã tiến hành 71 cuộc thanh tra (kỳ trước chuyển sang 14 cuộc và triển khai trong kỳ 57 cuộc; theo Kế hoạch 62 cuộc và đột xuất 09 cuộc) tại 194 đơn vị; đã kết thúc thanh tra trực tiếp 55 cuộc và đã ban hành kết luận thanh tra 42 cuộc. Qua thanh tra, phát hiện 110 đơn vị có sai phạm với số tiền 37.170,59 triệu đồng, đã xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị thu hồi số tiền 36.156,61 triệu đồng, xử lý khác 1.013,98 triệu đồng; yêu cầu các đơn vị chấn chỉnh và xử lý sai phạm trong quản lý và sử dụng 488,5 ha đất các loại (trong đó có thu hồi 4.485,1m<sup>2</sup> đất); kiến nghị xử lý hành chính 04 tổ chức và 06 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 03 vụ việc vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm.



Đã thu hồi nộp ngân sách trong kỳ báo cáo số tiền 6.801,24 triệu đồng, trong đó, thu từ các Quyết định xử lý sau thanh tra trong năm 2018 là 5.826,21 triệu đồng (tỷ lệ thu hồi đạt 75,34%); thu từ các Quyết định xử lý sau thanh tra các năm trước là 975,03 triệu đồng.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

##### *a) Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức*

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ;

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018, là 27.956 người, bao gồm: Biên chế viên chức là 25.934 người, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 1.454 người, để các đơn vị tự hợp đồng là 568 người.

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh, phân bổ của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 về việc giao biên chế công chức năm 2018 trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh. Theo đó, giao 2.176 biên chế công chức năm 2018 cho các cơ quan hành chính cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế, trong đó khối sở, ban, ngành là 1.324 người (giảm 22 người so với năm 2017), khối UBND cấp huyện là 851 người (giảm 11 người so với năm 2017), dự phòng 1 người.

Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, trong năm 2018, toàn tỉnh đã tinh giảm 50 người (gồm 46 người nghỉ hưu và 04 người thôi việc).

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 về phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh. Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức theo danh mục vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tối thiểu đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban cấp tỉnh; UBND cấp huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc để xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm cụ thể, từ đó xác định ngạch công chức tối thiểu tương ứng. Từ đó các cơ quan, tổ chức xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức của đơn vị mình.

##### *b) Về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức*

Trong thời gian qua, tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý; cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch vào chức vụ lãnh đạo mới được xem xét bổ nhiệm; người được bổ nhiệm phải đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Công tác rà soát, sắp xếp, bố trí số lượng lãnh đạo cấp phó ở các cơ quan, đơn vị được tiến hành thường xuyên và theo quy định của Trung ương.

Hiện nay, số lượng cấp phó các cơ quan, đơn vị ở tỉnh Thừa Thiên Huế

được bố trí thấp hơn so với quy định của Trung ương, cụ thể: Phó Giám đốc Sở và tương đương: 60 người/22 đơn vị (2,73 người/đơn vị); Phó Trưởng phòng trực thuộc Sở và tương đương: 162 người/151 phòng (1,07 người/phòng); Phó Chi cục trưởng và tương đương: 27 người/18 đơn vị (1,5 người/đơn vị); Phó Chủ tịch UBND cấp huyện: 21 người/09 đơn vị (2,33 người/đơn vị); Phó Chủ tịch HĐND cấp huyện: 18 người/09 đơn vị (2 người/đơn vị); Phó Trưởng ban HĐND cấp huyện: 19 người/20 đơn vị (0,95 người/đơn vị); Phó Trưởng phòng cấp huyện và tương đương: 188 người/110 phòng (1,70 người/phòng).

Việc tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ, công chức được thực hiện có nề nếp, đảm bảo dân chủ, công khai và phát huy được tính chủ động của các cơ quan, đơn vị. UBND tỉnh đã ban hành quyết định xếp loại cơ quan, cán bộ, công chức trên cơ sở tổng hợp các tiêu chí tác động, ngoài ra, ngày 31/8/2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 48/2018/QĐ-UBND về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Năm 2018, việc xét tuyển viên chức sự nghiệp cũng được triển khai tốt, đảm bảo nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy trình, công khai, công bằng, khách quan, đúng cơ cấu, số lượng. Kiên quyết thay thế những cán bộ, công chức thiếu bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức kém, không đủ năng lực công tác.

Đổi mới phương thức tuyển chọn cán bộ, công chức lãnh đạo, viên chức quản lý theo nguyên tắc cạnh tranh. Thực hiện thí điểm việc thi tuyển lãnh cấp sở (Phó Giám đốc Sở Công Thương, Phó Giám đốc Sở Tư pháp) đang chuẩn bị các điều kiện thi tuyển Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải. Đồng thời đã ban hành Kế hoạch và hướng dẫn tổ chức thi tuyển lãnh đạo cấp phòng.

Duy trì thường xuyên công tác đánh giá, phân loại, khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo các tiêu chí cụ thể, gắn với chất lượng, hiệu quả công việc và kết quả đánh giá, xếp loại công tác CCHC của từng cơ quan, đơn vị.

Đến nay, số lượng cán bộ cấp xã là 1.755 người, đạt chuẩn theo quy định là 1.671 người (chiếm tỷ lệ 96,4%), số lượng công chức cấp xã là 1.791 người, đạt chuẩn theo quy định là 1.776 người (chiếm tỷ lệ 99,2%).

### *c) Về công chức cấp xã*

Tiếp tục rà soát chức danh, số lượng, trình độ của cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn để áp dụng các chế độ chính sách theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ. Hiện nay có 7.804 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ở tổ dân phố được hưởng phụ cấp theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 14/01/2015 của UBND tỉnh (gồm: Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố: 1.195 người; Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố: 1.277 người; Công an viên thôn: 724 người; Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố: 1.277 người; Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng: 1.271 người; Tổ trưởng Bảo vệ dân phố: 174 người; Tổ phó Bảo vệ dân phố: 180 người; Tổ viên Bảo vệ dân phố: 670 người; Nhân viên y tế (thôn, bản): 724 người).

#### *d) Thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các cấp được triển khai theo Kế hoạch hàng năm.

Năm 2018 đã tổ chức 01 lớp Trung cấp chính trị, 11 lớp cao cấp chính trị cho 900 học viên, 04 lớp tin học, 02 lớp bồi dưỡng QLNN chương trình chuyên viên chính, 05 lớp bồi dưỡng QLNN chương trình chuyên viên cho 825 cán bộ công chức, viên chức, tổ chức 06 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng cho gần 300 cán bộ, công chức. Ngoài ra, Sở Nội vụ đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh tổ chức tập huấn đề án xây dựng Bộ phận TN&TKQ hiện đại, đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, ứng dụng phần mềm quản lý hồ sơ một cửa,... cho 350 cán bộ, công chức làm công tác CCHC của cấp xã. Phối hợp Mặt trận và các tổ chức Đảng, đoàn thể tổ chức 07 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho gần 700 học viên

Ngoài ra, đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, tổng số các bộ, công chức, viên chức cấp xã qua đào tạo trong năm là 2.825 người.

#### **5. Cải cách tài chính công**

Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015. UBND tỉnh đã ban hành các quyết định quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương làm căn cứ để các cơ quan, địa phương lập, thực hiện phân cấp quản lý tài chính và ngân sách đúng quy định pháp luật, bảo đảm quyền quyết định ngân sách địa phương của HĐND các cấp.

Việc thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và công khai các nguồn thu, các khoản chi luôn được thực hiện nghiêm túc. Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch về tài chính tại các cơ quan, đơn vị ngày càng được nâng lên, đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra, giám sát, góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách của Nhà nước. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các loại phí, lệ phí và các khoản huy động đóng góp trong nhân dân không còn phù hợp.

Đến nay, có 719 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó tự đảm bảo toàn bộ chi phí là 22 đơn vị, tự đảm bảo một phần kinh phí là 156 đơn vị, do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí là 542 đơn vị.

#### **6. Về hiện đại hóa nền hành chính**

Trong thời gian qua lãnh đạo tỉnh luôn xác định đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng CNTT và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (ISO) nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 26/CT-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh.

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước*

Nền tảng quan trọng để tỉnh Thừa Thiên Huế hướng đến xây dựng đô thị thông minh là hình thành chính quyền điện tử. Vì vậy, quá trình xây dựng chính quyền điện tử đã được tỉnh quan tâm và triển khai mạnh mẽ trong nhiều năm qua và đã mang lại nhiều kết quả nhất định.

Đến nay, tỉnh Thừa Thiên Huế có 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã đã có trang thông tin điện tử. Hệ thống trang thông tin điện tử đã liên thông và cung cấp thông tin thống nhất trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <https://www.thuathienhue.gov.vn>. Tại các Trung tâm Hành chính công hồ sơ một cửa đã được số hoá và chuyển đến các cơ quan chuyên môn xử lý thông qua môi trường điện tử; 100% cơ quan nhà nước sử dụng phần mềm máy tính trong quá trình xử lý dịch vụ công. Các Trang thông tin điện tử đã thực hiện đầy đủ việc cập nhật tin bài thường xuyên, đồng thời qua đó thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các văn bản chính sách của nhà nước. Tỷ lệ tin, bài trên đạt trung bình 1,5-2 tin/ngày.

Việc ứng dụng CNTT tại các Trung tâm Hành chính công từ tỉnh đến huyện đã dần đi vào ổn định góp phần tạo lập môi trường làm việc thuận tiện, văn minh, hiện đại; giải quyết nhanh, hiệu quả các TTHC cho tổ chức, cá nhân. 100% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính được luân chuyển, xử lý trên môi trường mạng.

Triển khai một cửa hiện đại cấp xã, Thừa Thiên Huế là tỉnh đầu tiên có 152/152 xã thực hiện cập nhật tiếp nhận và theo dõi giải quyết hồ sơ TTHC trên phần mềm liên thông 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Toàn tỉnh hiện nay có 77 ứng dụng CNTT chuyên ngành, trong đó ứng dụng do Bộ chuyên ngành xây dựng là 33, ứng dụng do tỉnh xây dựng là 44.

Tiếp tục triển khai, áp dụng 05 phần mềm dùng chung của tỉnh: 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã triển khai các phần mềm dùng chung, thực hiện hoàn toàn gửi/ nhận văn bản qua mạng, đăng ký lịch họp và phát hành giấy mời qua mạng, phần mềm một cửa, theo dõi ý kiến chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh, triển khai trang điều hành tác nghiệp đa cấp.

UBND tỉnh đã phê duyệt đề cương Đề án “phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 định hướng đến năm 2025” (Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 29/3/2018) với các mục tiêu: bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế bền vững, hướng đến kinh tế tri thức, kinh tế số; quản trị đô thị hiệu quả trên cơ sở dự báo; nâng cao chất lượng môi trường sống và làm việc; tăng cường sự tham gia quản lý của người dân, tổ chức. Ngoài ra, đã ban hành các văn bản quy định quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, Đề án thí điểm Trung tâm điều hành đô thị thông minh (Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 09/04/2018).

*b) Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan đơn vị*

Trong năm 2018, đã tiến hành kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy

trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008/TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2018 và tổ chức đợt kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Kế hoạch và Quyết định đã phê duyệt.

Đã tổ chức tập huấn chuyển đổi hệ thống tài liệu từ phiên bản TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế, UBND các xã, phường, thị trấn. Tập huấn chuyên gia đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 cho UBND các xã, phường, thị trấn.

Đến nay, toàn tỉnh có 192 cơ quan đang xây dựng và áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008/TCVN ISO 9001:2015, trong đó các cơ quan đã và đang tiếp tục áp dụng, duy trì và cải tiến, thực hiện công bố hoặc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 gồm 21/21 đơn vị cấp sở, 09/9 UBND cấp huyện, 10 ban, chi cục trực thuộc sở, 152/152 xã, phường, thị trấn đang xây dựng hoặc tiếp tục áp dụng, duy trì, cải tiến, thực hiện công bố hoặc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 (chỉ còn một số ít xã, phường chưa chuyển đổi).

Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo xây dựng mô hình thống nhất hệ thống văn bản quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước kiểu mẫu (06 mô hình) với hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Xây dựng phần mềm hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên môi trường mạng áp dụng tại các cơ quan hành chính.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Bám sát lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự tập trung chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, năm 2018, công tác CCHC của Thừa Thiên Huế đã đạt được nhiều kết quả tích cực và được đánh giá cao. Việc cung cấp dịch vụ hành chính công giúp cho việc giải quyết TTHC nhanh hơn, đảm bảo công khai, minh bạch. Tỉnh chủ động thành lập các Trung tâm Hành chính công cấp huyện, tỉnh và đã điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với Nghị quyết 61/2018/NĐ-CP, sự ra đời của các Trung tâm và các Bộ phận TN&TKQ hiện đại cấp xã tạo lập môi trường làm việc thuận tiện, văn minh, hiện đại; giải quyết nhanh, hiệu quả các TTHC cho tổ chức, cá nhân.

Hệ thống văn bản QPPL trên các lĩnh vực được rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp, quản lý nhà nước tốt hơn. Trách nhiệm, kỹ năng, nghiệp vụ hành chính, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên. Hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từng bước được đổi mới, hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương được tăng cường.

#### **1. Ưu điểm**

Công tác CCHC được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, các văn bản chỉ đạo thực hiện CCHC được ban hành kịp thời. UBND tỉnh đã phân công các đơn vị, địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ trong công

tác CCHC. Lãnh đạo tỉnh luôn xác định CCHC gắn liền với việc ứng dụng CNTT và ISO trong hoạt động cơ quan nhà nước, là những yếu tố không thể tách rời.

Thông qua công tác chỉ đạo, điều hành xuyên suốt việc cung cấp dịch vụ hành chính công nhanh hơn, đảm bảo công khai, minh bạch hơn. Hệ thống văn bản QPPL trên các lĩnh vực được rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp, quản lý nhà nước tốt hơn. Trách nhiệm, kỹ năng, nghiệp vụ hành chính, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên. Hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từng bước được đổi mới, hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương được tăng cường. Hầu hết các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch hàng năm, từng giai đoạn được triển khai kịp thời, theo đúng tiến độ đề ra.

Việc thành lập các Trung tâm Hành chính công đã được người dân, tổ chức đồng tình ủng hộ, bởi vì người dân không phải đi lại nhiều lần; không phải đến nhiều nơi phải liên hệ, đỡ tốn kém về thời gian giải quyết. Hầu hết các địa phương giải quyết được từ trên 90 % khối lượng hồ sơ/ tháng, khắc phục được tình trạng tồn đọng công việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức và tạo điều kiện cho nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình.

Việc đánh giá chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện được ủng hộ. Hoạt động này đã góp phần tích cực và việc thay đổi sâu sắc nhận thức của người đứng đầu và cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác CCHC ở các cơ quan, đơn vị, góp phần cho sự phát triển của công tác CCHC toàn tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh tập trung triển khai nâng cao các chỉ số đánh giá tác động cấp tỉnh, đem lại những kết quả nhất định.

## **2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

- Chế độ thông tin báo cáo định kỳ về công tác giải quyết TTHC ở cấp xã còn chậm, tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ giải quyết TTHC tuy được cải thiện nhưng cần tiếp tục quan tâm, bổ sung kỹ năng.

- Chỉ số CCHC (PAR index) của tỉnh duy trì ở mức cao nhưng chưa ổn định; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) có chuyển biến nhưng chưa được như mong muốn; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước.

- Việc chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ở một số đơn vị chưa đạt yêu cầu.

- Việc tinh giảm biên chế trong bộ máy hành chính, sự nghiệp chưa thật sự quyết liệt. Công tác xã hội hóa trong quản lý nhà nước vẫn chưa cao và vẫn dựa chủ yếu vào ngân sách nhà nước.

- Một số lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm chưa đúng mức đối với công tác CCHC; còn thiếu quyết tâm, chưa sâu sát trong tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC được cấp trên giao.

- Tỉnh đã quan tâm kinh phí phục vụ cho công tác CCHC nhưng vẫn còn thấp so với cả nước: Mức phụ cấp cho công chức làm việc tại các trung tâm hành chính công và Bộ phận TN&TKQ còn thấp.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM 2019**

1. Tiếp tục tập trung triển khai Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20/7/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; thực hiện tốt Kế hoạch CCHC của tỉnh giai đoạn 2016-2020 đảm bảo mục tiêu: “Thừa Thiên Huế nằm trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về thực hiện CCHC. Phấn đấu để chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT (ICT) của tỉnh xếp ổn định trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước”.

2. Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của BCH Trung ương Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn hoạt động hiệu lực đảm bảo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các bộ phận, đầu mối trực thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trong năm 2019 và những năm tiếp theo theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

3. Tập trung xây dựng, hoàn thiện chính quyền điện tử, hoàn thiện các quy trình vận hành tại Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Tiếp tục triển khai Đề án Bộ phận TN&TKQ hiện đại cấp xã ở xã, phường, thị trấn còn lại trong năm 2019.

4. Đẩy mạnh cải cách thể chế, thực hiện tốt quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, ban hành và kiểm tra, tổ chức thực hiện văn bản QPPL.

5. Đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng CNTT và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh. Rà soát các TTHC để chuẩn hóa theo quy trình ISO 9001:2015, tăng cường tiếp nhận, giao trả trực tuyến TTHC mức độ 3, mức độ 4, tạo lập hồ sơ, tài khoản trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

6. Tập trung nâng cao ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ, công chức. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức nhất là những cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp, công chức làm việc tại Bộ phận TN&TKQ.

7. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đủ trình độ, năng lực thi hành công vụ, có bản lĩnh chính trị, tận tụy phục vụ nhân dân gắn với việc tinh giảm biên chế theo các Nghị định của Chính phủ. Tập trung nâng cao ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ, công chức.

8. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC trên tất cả các ngành, loại bỏ những

TTHC gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi, minh bạch, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút đầu tư, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

9. Duy trì và triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn theo các Nghị định: 16/2015/NĐ-CP 130/2005/NĐ-CP, 115/2005/NĐ-CP và 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Tiếp tục cải thiện mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp thông qua cơ chế đối thoại, khảo sát mức độ hài lòng về chất lượng dịch vụ nhằm tiếp tục cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ công tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Triển khai trên diện rộng việc đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

## V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành hướng dẫn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện theo Nghị định 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ đề địa phương chủ động trong triển khai các nhiệm vụ CCHC.

2. Đề nghị các bộ, ngành Trung ương bổ sung các văn bản hướng dẫn việc sử dụng ngân sách chỉ cho khoa học và công nghệ, công tác ứng dụng CNTT và các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử, chỉ cho công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO tại các cơ quan chuyên môn nhà nước.

3. Đề nghị Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ thống nhất với các cơ quan Trung ương chỉ đạo các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn phối hợp với địa phương trong kết nối dữ liệu, thực hiện cơ chế phối hợp và TTHC đưa vào thực hiện tại các Trung tâm phục vụ hành chính công.

Trên đây là tình hình triển khai công tác CCHC năm 2018, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế kính báo cáo Bộ Nội vụ. / *q*

### Nơi nhận:

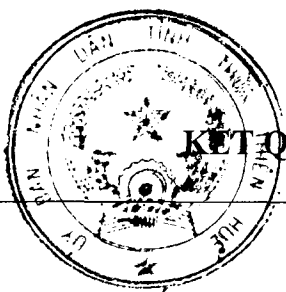
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC;
- Cơ quan ĐD Bộ Nội vụ tại Đà Nẵng;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, CCHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Phan Ngọc Thọ**





**Phụ lục 1**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH**

TT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/đơn vị hoàn thành trong năm	Ghi chú
1	Kế hoạch CCHC năm	12/2017	42	42	
2	Kế hoạch kiểm tra CCHC năm	12/2017	61	95	
3	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	12/2017	5	5	
4	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	12/2017	13	13	
5	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	12/2017	10	14	
6	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018	12/2017	29	29	
7	Kế hoạch ứng dụng CNTT	11/2017	27	27	



**Phụ lục 2**  
**HỒN KẾ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ**  
**THỰC HIỆN CCHC**

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp sở	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt	61	7	4	50	
2	Số cơ quan được kiểm tra về CCHC	81	7	4	70	
3	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	182	21	9	152	
4	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	14	10	4		
5	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động	14	10	4		
6	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt					
7	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt					
8	Số cơ quan thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt					
9	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt					
10	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức					
11	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức					
12	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130	360	61/61	184/184	115/152	
13	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130	360	61	184	115	
14	Số cơ quan hành chính ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	319	61	179	79	
15	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo ND 43	719	117	602		
16	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	719	117	602		

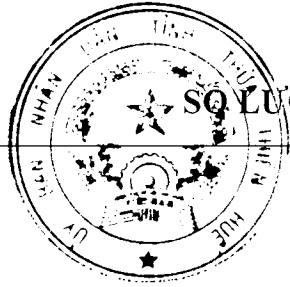
17	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	719	117	602		
18	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo ND 115	4	4			
19	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	4	4			
20	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	4	4			
21	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	30	21	9		
22	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	30	21	9		
23	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	30	21	9		
24	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được cấp chứng chỉ ISO	30	21	9		
25	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	20	21	9		
26	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có giải quyết công việc liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	30	21	9		
27	Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	9		9		
28	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	152			152	
29	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	30 (152)	21	9		(122)
30	Số huyện thực hiện mô hình một cửa hiện đại			9		



Phụ lục 3

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

TT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp sở	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Cơ quan hành chính	182	21 (cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh)	9 (UBND cấp huyện)	152 (UBND cấp xã)	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc	719	117	602		
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện)	4	4			



**Phụ lục 4**

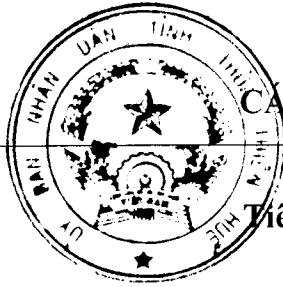
**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (So với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị	2.132	1.694	321	135		Không tính TTHC của cơ quan TW đóng trên địa bàn
2	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa	2.132	1.694	321	135		
3	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	361	336	35	17		

**Phụ lục 5**

**CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC**

TT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/đã thực hiện	Tỷ lệ% so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC	18	18	100	
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	4	4	100	
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động ở cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	0	0	100	
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát VB QPPL tại đơn vị	79	79	100%	Rà soát 459 VB
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra VB QPPL tại đơn vị	04	04	100%	
6	Số quy định của Chính phủ về phân cấp được thực hiện tại địa phương				
7	Số VB QPPL được triển khai thực hiện tại địa phương	103	103	100%	
8	Số VB QPPL thực hiện tại địa phương được kiểm tra	65	65	100%	
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện VB QPPL tại địa phương	0			



**Phụ lục 6**  
**CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

TT	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ% so với tổng số được giao	Ghi chú
1	Số lượng cán bộ cấp xã	1.755		
2	Số lượng cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định	1.671	96,4	
3	Số lượng công chức cấp xã	1.791		
4	Số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	1.776	99,2	
5	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	2.825		